

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2023

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2022

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2022 diễn ra trong điều kiện nguồn nước đảm bảo, thời tiết tương đối thuận lợi cho các cây trồng sinh trưởng và phát triển. Tuy nhiên, ở một số thời điểm chịu tác động của thời tiết cực đoan như bão, mưa to, dông lốc, ... Trong đó đáng chú ý là bão số 2 (từ ngày 07 - 11/8), bão số 4 (từ ngày 28/9 - 03/10) và các đợt dông lốc, mưa to đã làm ảnh hưởng đến sản xuất trồng trọt và làm thiệt hại 6.603,53 ha diện tích các cây trồng như lúa, ngô rau màu, cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.

Bên cạnh đó, giá cả vật tư tăng mạnh nhất là phân bón, chi phí cày bừa cao do giá xăng dầu lên cao đã làm ảnh hưởng đến đầu tư sản xuất trong vụ Hè Thu - Mùa năm 2022.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các ban ngành từ tỉnh đến địa phương và sự cố gắng nỗ lực của người nông dân trong thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, ứng dụng KH-CN, khắc phục thiên tai và phòng trừ sâu bệnh nên giảm thiểu được thiệt hại về diện tích, sản lượng; năng suất các cây trồng tăng hơn so với kế hoạch và so với vụ Hè Thu - Mùa năm 2021, cụ thể như sau:

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

- UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Chỉ thị sản xuất; Đề án; Công điện tập trung ứng phó trước các đợt mưa bão (02 công điện); Thành lập các đoàn kiểm tra, ứng phó và khắc phục mưa bão, chỉ đạo sản xuất; đã ban hành 03 công văn về các giải pháp để đẩy nhanh tiến độ sản xuất, chỉ đạo khôi phục sản xuất sau mưa bão; cơ cấu các giống có năng suất cao, chất lượng tốt và có các cơ

chế, chính sách để khuyến khích ứng dụng KHCN, TBKT mới, các giống có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất.

- Lãnh đạo Tỉnh, ngành Nông nghiệp và PTNT đã trực tiếp xuống các địa phương để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất và kiểm tra tình hình mưa bão, khắc phục thiệt hại, khôi phục sản xuất.

- UBND các huyện, thành phố, thị xã đã kịp thời ban hành Đề án, kế hoạch sản xuất; Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất, một số địa phương đã trích ngân sách địa phương để khuyến khích, hỗ trợ cho nông dân sản xuất; thực hiện tốt cơ cấu giống; trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, phòng chống lụt bão, khắc phục thiên tai, khôi phục sản xuất sau mưa bão và ứng dụng TBKT vào sản xuất.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (chi tiết tại phụ lục 01)

Tổng diện tích gieo trồng đạt 112.830,69 ha/KH 118.550 ha (đạt 95,18 % so với KH) và tổng diện tích cho thu hoạch là 110.791,88 ha/KH 118.550 ha (đạt 93,46 % so với KH). Trong đó, tổng sản lượng cây lương thực có hạt 429.398 tấn đạt 94,22 % so với vụ Hè Thu - Mùa năm 2021 và đạt 94,27 % so với kế hoạch. Cụ thể như sau:

- Cây Lúa: Tổng diện tích 81.595,79 ha/KH 88.000 ha (đạt 92,72 %), diện tích cho thu hoạch là 80.940,14 ha (đạt 91,98 % KH). Trong đó:

+ Vụ Hè thu: Diện tích 60.166,03 ha, diện tích cho thu hoạch 60.081,50 ha/KH 61.000 ha (đạt 98,49 %); Năng suất 51,59 tạ/ha/KH 51,0 tạ/ha (đạt 101,16 %); Sản lượng 309.937,06 tấn/KH 311.100 tấn (đạt 99,63 % KH và đạt 97,48 % so với vụ Hè thu 2021).

+ Vụ Mùa: Diện tích 21.429,76 ha, diện tích cho thu hoạch 20.858,64 ha/KH 27.000 ha (đạt 77,25 %); Năng suất 37,41 tạ/ha/KH 38,0 tạ/ha (đạt 98,45 %); Sản lượng 78.039,70 tấn/KH 102.600 tấn (đạt 76,06 %).

- Cây Ngô: Tổng diện tích gieo trồng 13.288,18 ha/KH 13.500 ha, diện tích cho thu hoạch là 12.790,85 ha (đạt 94,95%). Trong đó:

+ Ngô lấy hạt: Diện tích gieo trồng 11.284,14 ha, diện tích cho thu hoạch 10.806,21 ha/KH 11.000 ha (đạt 98,24 %); Năng suất 38,33 tạ/ha/KH 38,0 tạ/ha (đạt 100,87 %); Sản lượng 41.421,24 tấn/KH 41.800 tấn (đạt 99,09 %).

+ Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò: Diện tích gieo trồng 2.004,04 ha, diện tích cho thu hoạch 1.984,64 ha/KH 2.500 ha (đạt 79,39 %); Năng suất 355,06 tạ/ha/KH 350 tạ/ha (đạt 101,45 %); Sản lượng 70.466,11 tấn/KH 87.500 tấn (đạt 80,53 %).

- Cây Rau các loại: Diện tích gieo trồng 12.199,44 ha, diện tích thu hoạch 11.348,08 ha/KH 10.500 ha (đạt 108,08 %); Năng suất 152,38 tạ/ha/KH 152 tạ/ha (đạt 100,25 %); Sản lượng 172.919,78 tấn/KH 159.600 tấn (đạt 108,35 %).

- Cây Đậu đỗ các loại: Diện tích gieo trồng 2.227,59 ha, diện tích thu hoạch 2.211,12 ha/KH 2.800 ha (đạt 78,97 %); Năng suất 8,80 tạ/ha/KH 8,5 tạ/ha (đạt 103,53 %); Sản lượng 1.946,58 tấn/KH 2.380 tấn (đạt 81,79 %).

- Cây Lạc: Diện tích gieo trồng 685,72 ha, diện tích thu hoạch 667,72 ha/KH 750 ha (đạt 89,03 %); Năng suất 22,76 tạ/ha/KH 21,5 tạ/ha (đạt 105,86 %); Sản lượng 1.519,7 tấn/KH 1.613 tấn (đạt 94,22 %).

- Cây Vừng: Diện tích gieo trồng 2.833,97 ha, diện tích thu hoạch 2.833,97 ha/KH 3.000 ha (đạt 94,47 %); Năng suất 7,38 tạ/ha/KH 7,0 tạ/ha (đạt 105,43 %); Sản lượng 2.092,53 tấn/KH 2.100 tấn (đạt 99,64 %).

2.3. Kết quả sử dụng giống; ứng dụng, chuyển giao các TBKT, KHCN vào sản xuất và liên kết tiêu thụ sản phẩm.

2.3.1. Kết quả sử dụng giống

Các địa phương đã thực hiện tốt việc cơ cấu giống chủ lực, năng suất, chất lượng và phù hợp với điều kiện cụ thể từng vùng căn cứ trên cơ sở Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thành, thị; đồng thời làm tốt công tác chỉ đạo sản xuất, vì vậy đã làm tăng năng suất cây trồng. Cụ thể:

- Cơ cấu giống lúa:

+ Diện tích lúa thuần 74.388,39 ha/KH 76.000 ha, đạt 97,88 % và chiếm 91,17 % diện tích lúa. Diện tích lúa lai 7.207,4 ha/KH 12.000 ha, đạt 60,06 % và chiếm 8,83 % diện tích lúa; Trong đó, các giống có diện tích lớn và năng suất cao là: VNR20; LTH31 (SL9); Nếp 97; Bắc Thịnh; TBR225; Thiên ưu 8; ...

+ Diện tích lúa chất lượng là 28.565,85 ha/KH 29.000 ha (đạt 98,5 %), gồm các giống Bắc Thịnh, Vật tư NA6, BC15, BQ, Bắc Thơm 7,....

- Cơ cấu giống ngô: Diện tích ngô tẻ là 10.470,54 ha (chiếm 92,79 % diện tích), diện tích ngô nếp là 813,6 ha (chiếm 7,21 % diện tích). Các giống ngô được gieo trồng với diện tích lớn và năng suất cao là: DK6919; NK7328, CP888; CP511, ...

- Cơ cấu giống lạc: Bao gồm các giống như L14, Sen Nghệ An, L23, L26, ...

2.3.2. Về công tác khuyến nông

Công tác khuyến nông, chuyển giao các tiến bộ KHKT được các cấp ngành, địa phương quan tâm để đưa đến các tiến bộ mới cho người dân. Mặt khác, người dân cũng luôn hưởng ứng và tiếp thu các tiến bộ kỹ thuật mới để áp dụng vào sản xuất. Trong vụ Hè thu - Mùa 2022, toàn tỉnh đã thực hiện được 72 mô hình áp dụng trên các loại cây trồng, trong đó diện tích áp dụng sản xuất lúa theo SRI là

6.607 ha, áp dụng theo kỹ thuật 3 giảm 3 tăng là 190 ha, áp dụng theo IPM là 310 ha và thực hiện được 49 mô hình cánh đồng lớn với diện tích 2.049,21 ha.

2.3.3. Kết quả về ứng dụng KHCN, TBKT vào sản xuất

Việc ứng dụng, chuyển giao các TBKT và KHCN vào sản xuất trong vụ Hè thu - Mùa được duy trì và phát triển, sản phẩm sản xuất ra đảm bảo an toàn, chất lượng đã góp phần nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích.

+ Diện tích lúa cấy bằng máy là 1.290,7 ha tại một số huyện như Yên Thành, Thanh Chương, Diễn Châu, Quỳnh Lưu.

+ Diện tích rau, quả các loại được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP và tương đương còn hiệu lực là 338,48 ha tại Nghĩa Đàn, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Đô Lương, TX Thái Hòa, TP Vinh, Anh Sơn...; Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ là 14,7 ha tại Nghĩa Đàn và 4,9 ha sản xuất theo hướng hữu cơ tại Quỳnh Lưu, Nam Đàn.

+ Diện tích các loại cây có giá trị cao như cà chua, dưa chuột, dưa lưới, dưa vàng, ... sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là 36,41 ha.

2.3.4. Về liên kết tiêu thụ sản phẩm

+ Số lượng hợp tác xã (HTX) hoạt động hiệu quả ngày càng tăng. Toàn tỉnh có 670 hợp tác xã nông nghiệp, số hợp tác xã hoạt động hiệu quả là 420 hợp tác xã (125 HTX hoạt động tốt; 295 HTX hoạt động khá). Trong đó có 215 HTX đã thực hiện liên kết sản xuất ổn định cho người dân từ 01-02 vụ/năm. Số HTX thực hiện liên kết ổn định cho dân ngày càng nhiều sẽ tạo động lực cho người dân yên tâm đầu tư sản xuất, từ đó nâng cao năng suất và giá trị nông sản.

+ Diện tích các cây trồng được liên kết sản xuất vụ Hè Thu - Mùa là 2.057 ha, trong đó cây lúa 1.719,2 ha, các cây khác như ngô, dưa lưới 337,8 ha.

2.4. Công tác bảo vệ thực vật và thủy lợi, tưới tiêu

- Công tác bảo vệ thực vật và thủy lợi, tưới tiêu thực hiện tốt, góp phần giảm thiểu thiệt hại về diện tích, tăng năng suất các cây trồng.

- Công tác bảo vệ thực vật: Cơ quan chuyên môn các cấp đã làm tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo. Các đối tượng dịch hại phát sinh gây hại trên cây trồng được thực hiện kịp thời và đề xuất giải pháp chỉ đạo phòng trừ hiệu quả, phù hợp với tình hình ở từng vùng; Bên cạnh đó, công tác chỉ đạo phòng trừ sâu bệnh hại đã được các địa phương triển khai thực hiện tốt, đã tổ chức phòng trừ được 17.578,4 ha/27.030,4 ha nhiễm sâu bệnh các loại (trên cây lúa 13.090,4 ha/16.260,4 ha nhiễm sâu bệnh; trên cây ngô 273 ha/407,5 ha nhiễm sâu bệnh; trên cây cam 2.441 ha/3.312 ha; trên cây mía 904 ha/1.565 ha;...).

- Về công tác thủy lợi, tưới tiêu nước: Ngành Nông nghiệp cùng với các địa phương đã thực hiện tốt, kịp thời và hiệu quả công tác tưới tiêu, điều tiết nước trong phòng chống hạn, xâm nhập mặn và có các phương án tiêu úng kịp thời sau khi có mưa to do bão số 2, số 3 và số 4, ...

2.5. Về thực hiện cơ chế chính sách trong vụ Hè thu - Mùa 2022

UBND tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Hè thu - Mùa đã giúp người dân an tâm sản xuất, cụ thể như sau:

a) Thực hiện các chính sách của UBND tỉnh:

- Chính sách hỗ trợ giống cây trồng để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do mưa bão, lốc sét theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND với số tiền đề nghị là hơn 14,2 tỷ đồng đã hỗ trợ người nông dân khôi phục sản xuất và tích cực tái đầu tư sản xuất.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà lưới, nhà màng, hỗ trợ giống chuối theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 để khuyến khích người dân phát triển sản xuất một cách bền vững, lâu dài và hiệu quả với số tiền 235 triệu đồng.

- Hỗ trợ kinh phí giống, phân bón xây dựng các mô hình đất lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP và Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP nhằm nâng cao trình độ canh tác lúa của nông dân, duy trì được diện tích lúa ổn định nhằm đảm bảo an ninh lương thực với số tiền hỗ trợ trong vụ Hè thu - Mùa 2022 là hơn 12,4 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ từ nguồn ngân sách cấp huyện

Ngoài chính sách của Trung Ương và của Tỉnh một số huyện, thành, thị đã trích ngân sách dự phòng cấp huyện để hỗ trợ xây dựng các mô hình, diệt ốc và diệt chuột với số tiền hơn 1,79 tỷ đồng (Hung Nguyên, Đô Lương, TP Vinh, TX Cửa Lò, TX Thái Hòa, Con Cuông, Kỳ Sơn).

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

- Diện tích gieo trồng, diện tích thu hoạch và sản lượng các cây trồng (lúa, ngô, lạc, đậu đỗ, cây vừng) đều không đạt so với kế hoạch đề ra.

- Tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại trong vụ Hè thu - Mùa 2022 là 6.603,53 ha (lúa, ngô và rau màu, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm), trong đó diện tích thiệt hại >70% là 3.240,19 ha, thiệt hại từ 30 - 70% là 3.363,34 ha.

- Diện tích đất lúa trong kế hoạch không sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2022 là 6.404,21 ha tại một số huyện như Diễn Châu, Yên Thành, Quỳnh Lưu, TX Hoàng Mai, Nam Đàn, Đô Lương, TP Vinh, TX Thái Hòa.

- Tiến độ gieo cấy và thu hoạch lúa Hè thu - Mùa chậm hơn so với năm trước.

- Sản phẩm nông sản an toàn, truy xuất nguồn gốc, liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm cho người dân mặc dù được quan tâm, tuy nhiên diện tích thực hiện ổn định vẫn còn ít.

2. Nguyên nhân tồn tại

a) Nguyên nhân khách quan

- Do ảnh hưởng của mưa bão (bão số 2 từ ngày 07 - 11/8, bão số 4 từ ngày 28/9 - 03/10) và đông lốc đã làm thiệt hại nhiều diện tích cây trồng nên diện tích, sản lượng một số cây trồng không đạt so với kế hoạch.

- Giá cả vật tư nông nghiệp thời điểm đầu vụ sản xuất Hè thu 2022 tăng cao, chi phí cây bừa cao do giá xăng dầu cao, trong khi giá cả nông sản bấp bênh, khó tiêu thụ dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp; Thời vụ sản xuất lúa Hè thu chậm và chịu ảnh hưởng lớn bởi yếu tố thời tiết cuối vụ thường xuất hiện mưa bão nên một số diện tích lúa Hè thu và các cây trồng khác người dân không sản xuất dẫn đến diện tích các cây trồng không đạt so với kế hoạch đề ra.

- Vụ Xuân có các đợt không khí lạnh mạnh, kéo dài nên đã kéo dài quá trình sinh trưởng của cây lúa dẫn đến thời gian thu hoạch lúa Xuân chậm. Vì vậy đã làm chậm tiến độ sản xuất, thu hoạch lúa vụ Hè thu - Mùa.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Một số nơi ở cấp cơ sở chưa tập trung chỉ đạo quyết liệt trong việc thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, khắc phục thiệt hại do mưa bão, khuyến khích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa, phòng trừ sâu bệnh cũng như xây dựng các cơ chế, chính sách để phát triển sản xuất.

- Việc huy động các nguồn lực để đầu tư cho phát triển sản xuất ở một số địa phương chưa được quan tâm, đặc biệt trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, cơ giới hóa và liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Tư tưởng sản xuất tự cung tự cấp; lực lượng lao động trong nông nghiệp ngày càng già hóa, trình độ sản xuất thấp, cách tiếp cận thông tin về KH-CN, TBKT của đa số nông dân vẫn còn nhiều hạn chế nên chưa có nhiều sản phẩm nông sản an toàn, có thương hiệu và truy xuất nguồn gốc.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2022

- Xây dựng kế hoạch, giải pháp, tổ chức chỉ đạo sản xuất phải sát đúng với thực tế, phù hợp đặc điểm sản xuất, điều kiện cụ thể của từng vùng, địa phương.

- Tổ chức chỉ đạo quyết liệt, huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị, phát huy tốt các nguồn lực để tuyên truyền, chỉ đạo và hỗ trợ nông dân thực hiện

tốt các giải pháp kỹ thuật, phòng chống thiên tai, dịch bệnh,... là yếu tố hết sức quan trọng đảm bảo thắng lợi trong sản xuất.

- Sản xuất Hè Thu phải đặt an toàn lên trên hết, nên việc bố trí thời vụ phải hết sức khẩn trương. Đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu làm đất và thu hoạch để rút ngắn thời gian.

- Chủ động xây dựng kế hoạch điều tiết nước, lịch tưới của các công trình thủy lợi đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất.

- Công tác dự tính, dự báo và cung cấp thông tin tình hình thiên tai, dịch hại cây trồng cho người dân kịp thời, chính xác góp phần rất quan trọng trong phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại.

- Thực hiện tốt tác tuyên truyền, phổ biến về kế hoạch sản xuất, nhân rộng mô hình sản xuất có hiệu quả, để nông dân biết, hiểu và thực hiện.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT VỤ HÈ THU, VỤ MÙA NĂM 2023

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2023

1.1. Nhận định về khí tượng thủy văn

Theo dự báo của Đài Khí tượng - Thủy văn Bắc Trung Bộ tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2023 như sau:

*** Hiện tượng ENSO**

Dự báo hiện tượng ENSO sẽ tiếp tục duy trì trong trạng thái La Nina đến khoảng tháng 4/2023 với xác suất khoảng 65 - 75%, sau đó nhiệt độ mặt nước biển khu vực trung tâm Thái Bình Dương có xu hướng tăng dần và có khả năng chuyển sang trạng thái trung tính trong khoảng thời kỳ từ tháng 5 - 9/2023 với xác suất khoảng 65 - 75%, những tháng cuối năm 2023 nhiệt độ mặt nước biển khu vực NINIO3.4 có xu hướng tăng dần và trạng thái ENSO có khả năng nghiêng về pha nóng. Không ngoại trừ khả năng hiện tượng El Nino quay trở lại vào các tháng cuối năm 2023.

*** Khí tượng**

- Bão, áp thấp nhiệt đới và các hiện tượng thời tiết nguy hiểm

Từ nay đến tháng 5/2023, bão và ATNĐ ít có khả năng xuất hiện trên Biển Đông. Từ nửa cuối tháng 6/2023, bão và ATNĐ có khả năng xuất hiện trên khu vực Biển Đông và có khả năng tương đương với TBNN.

- Nhiệt độ, nắng nóng

Có khả năng xuất hiện ở khu vực Bắc Trung Bộ từ tháng 4/2023.

Tháng 03 - 05/2023, nhiệt độ trung bình tháng phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ 0.5 độ C.

Nhiệt độ trung bình trong thời kỳ từ tháng 7 đến tháng 9/2023 phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN và có xu hướng cao hơn so với TBNN trong thời kỳ từ tháng 10 đến tháng 12/2023.

- Lượng mưa

Tháng 04/2023, tổng lượng mưa phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ 5 - 10%.

Tháng 05 - 06/2023, tổng lượng mưa phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ 5 - 10%.

Từ tháng 7 - 9/2023, lượng mưa có xu hướng xấp xỉ với giá trị TBNN cùng thời kỳ. Thời kỳ từ tháng 10 - 12/2023, lượng mưa có xu hướng cao hơn so với TBNN.

*** Thủy văn**

Từ tháng 3 đến tháng 7 năm 2023 mực nước trên các sông khu vực biến đổi chậm theo xu thế giảm dần. Mực nước trên thượng lưu các sông chịu ảnh hưởng của điều tiết thủy điện, mực nước trên hạ lưu các sông dao động theo thủy triều.

Trong tháng 5 cần đề phòng thiếu nước cục bộ và xâm nhập mặn xảy ra tại các huyện đồng bằng ven biển tỉnh Nghệ An.

Cuối tháng 5 đầu tháng 6 trên các sông thuộc tỉnh Nghệ An có khả năng xảy ra một đợt lũ tiểu mãn.

Từ tháng 7 đến tháng 9 trên các sông thuộc Nghệ An có khả năng xảy ra 2 - 3 đợt lũ.

Lượng dòng chảy trên các sông ở Nghệ An xấp xỉ so với TBNN 12%.

1.2. Về tình hình nguồn nước

a) Nguồn nước các hồ chứa: Tỉnh Nghệ An có 1.061 hồ chứa. Tính đến ngày 23/3/2023

- Trong 102 hồ do doanh nghiệp quản lý hiện nay có:

07 hồ đầy nước (cùng kỳ năm 2022 có 10 hồ đầy nước).

64 hồ có dung tích >70 % WTK, (cùng kỳ năm 2022 có 70 hồ).

21 hồ có dung tích từ 50 - 70% WTK, (cùng kỳ năm 2022 có 16 hồ).

10 hồ có dung tích <50% WTK, (cùng kỳ năm 2022 có 06 hồ).

(Hồ Vực Mấu dung tích thiết kế 75.10^6 m^3 , mực nước hiện tại 18,93 (dung tích hữu ích còn 39,92 triệu m^3)/MNTK 21,00 (mực nước cùng kỳ 2022 là 18,76); Hồ sông Sào dung tích thiết kế $51,42.10^6 \text{ m}^3$, mực nước hiện tại là 75,64 (dung tích hữu ích còn 39,40 triệu m^3)/MNTK 75,7 (mực nước cùng kỳ 2022 là 75,66).

- Hồ đập do địa phương quản lý có 959 hồ, đập đến thời điểm hiện tại: có 75 hồ đập đầy nước; 884 hồ đập có dung tích đạt >40% dung tích thiết kế.

b) Mực nước tại các công trình đầu mỗi như sau:

Tại thượng lưu cống Nam Đàn: 0,70 m/Thiết kế: 1,15m; Tại cống Bến Thủy: 0,0 m/Thiết kế: 0,5-0,8m; Tại cống Nghi Quang -0,13 m/Thiết kế: 0,5-0,8m; Tại Cống Diễn Thành: 0,90m/0,92m; Tại cống Mụ Bà 10,21 m/9,85m; Đập Đô Lương 10,61 m/+10,3-10,5m.

1.3. Tình hình sản xuất vụ Xuân 2023

1.3.1. Về diện tích gieo trồng: Theo báo cáo của UBND các huyện thành, thị, tính đến ngày 05/4/2023 diện tích các cây trồng vụ Xuân 2023 như sau:

- Cây lúa: Tổng diện tích lúa đã gieo cấy là 91.431,15 ha/KH 91.000 ha, đạt 100,47 % so với kế hoạch. Theo rà soát, đánh giá của các huyện, thành, thị dự kiến diện tích lúa trở như sau:

- + Diện tích lúa trở trước 15/4: 10.492 ha.
- + Diện tích lúa trở từ 16/4 đến 25/4: 39.012 ha.
- + Diện tích lúa trở từ 26/4-05/5: 35.020 ha.
- + Diện tích lúa trở từ 05-20/5: 6.696 ha.

- Cây ngô: Diện tích đã gieo trồng: 16.413,79 ha/KH 19.300 ha, đạt 85,05 % so với kế hoạch.

- Cây lạc: Diện tích đã gieo trồng: 7.776,54 ha/KH 9.500 ha, đạt 81,86 % so với kế hoạch.

- Cây rau các loại: Diện tích đã gieo trồng: 10.279,59 ha/KH 12.500 ha, đạt 82,24 % so với kế hoạch.

1.3.2. Về tình hình sâu bệnh hại chính:

- **Trên cây lúa:** Các đối tượng sâu bệnh phát sinh gây hại chính gồm: Chuột hại nhiễm 1.378,1 ha; Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn 27,4 ha; Bệnh đạo ôn lá 1.601,25 ha; Khô vằn 1.388,9 ha. Các đối tượng dịch hại khác phát sinh gây hại cục bộ ở mức độ nhẹ.

- **Trên cây ngô:** Tổng diện tích nhiễm các đối tượng sinh vật gây hại 65,4 ha, trong đó sâu keo mùa thu nhiễm trên 51,9 ha, chuột 3 ha, bệnh đốm lá 10,5 ha.

- **Trên cây lạc:** Bệnh đốm lá phát sinh gây hại trên 103,5 ha, bệnh héo vàng 1,6 ha.

- **Trên cây rau:** Các đối tượng: Bệnh mốc sương, bệnh sương mai, bệnh đốm lá, bệnh héo vàng, thối gốc, rệp muội, sâu khoang, sâu xanh, ... phát sinh gây hại cục bộ trên các vùng trồng rau.

1.3.3. Nhận xét, đánh giá

- Tình hình sinh trưởng các loại cây trồng: Hiện nay các cây trồng đang sinh trưởng và phát triển tốt. Cây lúa giai đoạn đẻ nhánh, đứng cái, làm đòng; Cây ngô: giai đoạn cây con đến trỗ cờ, phun râu; cây lạc: ra hoa, đâm tia, phát triển củ,...

- Tình hình sâu bệnh hại chính: Tính đến thời điểm hiện tại diễn biến các sâu, bệnh hại chính trên các cây trồng chính trong vụ Xuân 2023 có phạm vi, mức độ gây hại thấp hơn đáng kể so với vụ Xuân năm 2022.

1.4. Thuận lợi, khó khăn sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2023

1.4.1. Thuận lợi

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành chức năng từ Tỉnh đến địa phương quan tâm vào cuộc để tập trung chỉ đạo, phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Trung ương, Tỉnh và các địa phương có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: Chính sách hỗ trợ khắc phục thiên tai, dịch bệnh; cơ giới hóa; liên kết sản xuất; tập trung ruộng đất để phát triển sản xuất quy mô lớn; ứng dụng KHCN vào sản xuất; chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn;... nhằm khuyến khích nông dân đầu tư phát triển sản xuất.

- Các tiến bộ về KHCN, quy trình kỹ thuật mới như: Công nghệ tưới nhỏ giọt, thủy canh, bán thủy canh; Nhà lưới, nhà màng; Quy trình sản xuất tiên tiến, an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, SRI, IPM, ICM,...; các giống cây trồng mới có năng suất, chất lượng đã và đang được khẳng định và từng bước áp dụng có hiệu quả vào sản xuất, nâng cao sản lượng, chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Cơ giới hóa trong nông nghiệp ngày được ứng dụng rộng rãi nhất là khâu làm đất, thu hoạch, cấy máy, phun thuốc BVTV bằng máy bay sẽ tạo điều kiện cho việc giảm công lao động, đẩy nhanh tiến độ gieo trồng vụ Hè thu - Mùa, đảm bảo thời vụ sản xuất an toàn.

- Hệ thống cán bộ khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y cơ sở đã được bổ sung chức danh nên công tác dự báo, kiểm soát dịch bệnh trên cây trồng sẽ thuận lợi hơn.

- Các HTX hoạt động có hiệu quả ngày càng tăng, tạo điều kiện trong việc khâu nối sản xuất giữa nông dân và doanh nghiệp, thúc đẩy sản xuất nông sản theo

hướng công nghệ cao, an toàn, góp phần nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích ngày càng ổn định và bền vững.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

1.4.2. Khó khăn

- Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Trung Bộ thì nhiệt độ trung bình tháng 3 - 5/2023 phổ biến cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ 0.5 độ C. Nắng nóng có khả năng xuất hiện ở khu vực Bắc Trung Bộ từ tháng 4/2023. Tổng lượng mưa các tháng 05 - 06/2023 phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ 5 - 10%. Từ tháng 7 - 9/2023, lượng mưa có xu hướng xấp xỉ với giá trị TBNN cùng thời kỳ. Bên cạnh đó, với thực trạng nguồn nước tại các hồ đập, sông suối và các công trình đầu mối nói trên thì nguy cơ xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn là rất cao, có thể xảy ra sớm và trên diện rộng. Do đó, sẽ ảnh hưởng lớn đến việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch (*diện tích, năng suất, sản lượng*).

- Theo dự báo của một số huyện thì diện tích có nguy cơ hạn, thiếu nước nằm trong kế hoạch là 6.524 ha (tại một số huyện như Yên Thành, Quỳnh Lưu, TX Hoàng Mai, Hưng Nguyên, Thanh Chương, Đô Lương, Anh Sơn, Con Cuông, Quỳnh Hợp, ...), do đó cũng sẽ ảnh hưởng đến năng suất các cây trồng.

- Nguy cơ tiềm ẩn một số dịch hại có thể phát sinh gây hại mạnh trong vụ Hè thu - Mùa 2023 như: Sâu cuốn lá nhỏ, chuột, rầy nâu, rầy lưng trắng, nhện gié, bệnh lùn sọc đen, ... trên cây lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô. Nhất là những vùng bỏ ruộng, không sản xuất sẽ là nơi trú ngụ, phát sinh của chuột và các loại sâu bệnh hại.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng như kênh mương, đường giao thông nội đồng tuy đã được đầu tư tuy nhiên còn chưa đảm bảo, ảnh hưởng đến khả năng tưới tiêu và vận chuyển nông sản phẩm.

- Hiện nay, việc thi công đường cao tốc Bắc Nam sẽ ảnh hưởng đến công tác tưới, tiêu phục vụ cho sản xuất ở một số huyện như Diễn Châu, Hưng Nguyên, Nghi Lộc,...

- Công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất và nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp ở một số nơi vẫn chưa thực sự quyết liệt và chưa tương xứng với tiềm năng.

- Lực lượng lao động trong sản xuất nông nghiệp thiếu do chuyển dịch sang các ngành nghề khác, lao động phổ thông ngày càng thiếu, giá trị ngày công cao sẽ ảnh hưởng đến việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch diện tích. Chất lượng và trình độ lao động trong nông nghiệp còn thấp sẽ gây khó khăn cho việc đầu tư, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất.

- Bên cạnh đó, việc tìm kiếm, kết nối để tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn; Sử dụng thương mại điện tử trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn còn hạn chế.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA NĂM 2023

2.1. Phương hướng

- Xây dựng kế hoạch, bố trí cơ cấu giống, cây trồng, thời vụ hợp lý phù hợp với điều kiện thực tế, cụ thể từng vùng.

- Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng diện tích các cây trồng theo hướng an toàn để nâng cao giá trị nông sản (*Cây lúa theo hướng hữu cơ, VietGAP, SRI,...; Các cây rau màu khác theo các tiêu chuẩn VietGAP, hướng hữu cơ hoặc các tiêu chuẩn an toàn tương đương,...*).

- Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ ở những vùng thiếu nước, sản xuất không an toàn, kém hiệu quả trong vụ Hè thu - Mùa và khuyến khích chuyển đổi cả 2 vụ (Xuân, Hè thu - Mùa) để thuận lợi cho việc lựa chọn cây trồng chuyển đổi, nhằm đảm bảo hiệu quả, nâng cao thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Đẩy mạnh tập trung ruộng đất, liên kết giữa nông dân và các tổ chức như HTX, doanh nghiệp trong sản xuất gắn bao tiêu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị, ổn định sản xuất.

2.2. Mục tiêu kế hoạch

2.2.1. Sản xuất lương thực

- Thực hiện chỉ tiêu sản xuất lương thực tại Quyết định số 4378/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc giao chỉ tiêu kế hoạch KT-XH tỉnh Nghệ An năm 2023 là 1.200.000 tấn. Căn cứ vào tình hình sản xuất vụ Đông 2022 (*diện tích ngô đạt 16.465,42 ha, sản lượng lương thực ước đạt 79.473,7 tấn*); ước vụ Xuân năm 2023 (*cây lúa: diện tích 91.432,07 ha, sản lượng ước đạt 612.594,9 tấn; cây ngô: diện tích ước đạt 16.800 ha, sản lượng ước đạt 84.000 tấn*), thì vụ Hè Thu - Mùa năm 2023 phải phấn đấu đạt 424.410 tấn lương thực.

- Để sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2023 an toàn, hiệu quả phù hợp với tình hình thực tế thì mục tiêu cụ thể các cây trồng phấn đấu đạt như sau: (*kèm theo phụ lục 02*).

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lúa, trong đó:	81.500	47,32	385.650
1.1	Vụ Hè Thu	58.000	51,5	298.700

1.1	Vụ Mùa	23.500	37,0	86.950
2	Cây ngô, trong đó	12.200		
2.1	Ngô lấy hạt	10.200	38,0	38.760
2.1	Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò	2.000	350,0	70.000
	Tổng cộng sản lượng lương thực có hạt			424.410

Trong đó, cơ cấu 25.000 ha lúa chất lượng và khoảng 9.000 ha lúa lai (vụ Hè Thu 3.000 ha và vụ Mùa 6.000 ha).

2.2.2. Các cây trồng khác

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây lạc	750	22,0	1.650
2	Đậu đỗ các loại	2.600	8,5	2.210
3	Cây vừng	2.800	7,2	2.016
4	Rau các loại	11.800	150,0	177.000

III. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Bố trí thời vụ và định hướng cơ cấu giống

3.1.1. Cây lúa

Thực hiện thời vụ gieo cấy lúa Hè Thu với phương châm “Càng sớm càng tốt” và đặt an toàn, hiệu quả lên trên hết; phải xem xét thời điểm thu hoạch lúa Xuân, khả năng phân phối nước để làm đất và chọn thời điểm ra mạ, gieo thẳng.

Sử dụng các giống đã được công nhận chính thức, công nhận lưu hành và làm mô hình có hiệu quả tốt tại Nghệ An. Đưa nhanh các giống có năng suất cao, ổn định, chất lượng gạo khá trở lên vào sản xuất, giảm các giống có năng suất thấp, chất lượng kém.

Để đảm bảo các yêu cầu trên, định hướng sử dụng giống và bố trí thời vụ cho từng vùng được xác định như sau:

* *Vùng thấp trũng có nguy cơ ngập lụt cao*: Diện tích khoảng 9.000 ha, tập trung ở các huyện Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc, Yên Thành, Diễn Châu, Quỳnh Lưu, Thanh Chương, Thành phố Vinh và rải rác ở một số huyện khác. Đối với vùng này để tránh bị ngập lụt cuối vụ, cần tuân thủ chặt chẽ về lịch thời vụ, gieo mạ để cấy, sử dụng các giống cực ngắn ngày.

- Thời vụ gieo cấy: Bố trí gieo cấy để thu hoạch trước 30/8.

- Cơ cấu giống như sau: Nên sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày và gieo mạ để cấy.

+ Lúa thuần: TBR279; Khang dân đột biến; ...

+ Lúa Lai: Việt Lai 20, ...

** Vùng đất vàn*

- Thời vụ gieo cấy: Bố trí gieo cấy để thu hoạch trước 15/9.

- Cơ cấu giống: Đây là vùng Hè Thu thâm canh, cần sử dụng các giống có năng suất cao, thời gian sinh trưởng có thể dài hơn nhưng không quá 110 ngày. Trường hợp lúa Xuân thu hoạch muộn hoặc do điều tiết nước để làm đất gieo cấy gặp khó khăn thì phải sử dụng các giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày. Những địa phương chỉ đạo tốt việc gieo mạ và bố trí thời vụ hợp lý để thu hoạch an toàn thì có thể cơ cấu những giống dài ngày hơn, gạo chất lượng.

Cơ cấu giống vùng này như sau:

+ Lúa thuần: VNR20; LTH31 (SL9); Bắc Thịnh; Thiên ưu 8; TBR225; Vật tư - NA6; HD11; Khang dân 18 (*quy hoạch cho vùng sản xuất làm hàng hóa*).

+ Lúa lai: Thái xuyên 111; LP1601; Phú ưu 978; Lai thơm 6.

** Vùng vàn cao ở đồng bằng, vùng ruộng lúa bán sơn địa*

- Thời vụ gieo cấy: Vùng này có thể bố trí gieo cấy để thu hoạch sau 20/9.

- Cơ cấu giống:

+ Đối với vùng chủ động nước: ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng tốt như các giống cơ cấu ở vùng vàn và có thể sử dụng thêm một số giống dài ngày hơn như: Lúa thuần: Nếp 97; BC15; Nếp 87;...

+ Đối với vùng không chủ động nước, hạn hán nên sử dụng các giống ngắn ngày như vùng thấp lụt và giống có khả năng chịu hạn để khi có nước thì tiến hành gieo cấy cho kịp thời vụ.

Theo định hướng trên, căn cứ vào kết quả sản xuất các năm trước và điều kiện sản xuất của địa phương; mỗi huyện, thành, thị chỉ nên chọn tối đa 03-05 giống lúa thuần và 03 - 05 giống lúa lai. Trên cùng một xứ đồng nên chọn các giống lúa có thời gian sinh trưởng tương đương nhau và phải gieo cấy xong trong vòng 2 - 3 ngày để thực hiện tốt các yêu cầu chăm sóc, quản lý sâu, bệnh hại. Tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, các huyện có thể lựa chọn các giống lúa tại phụ lục 03 để đưa vào cơ cấu giống của địa phương.

**** Đối với diện tích 6.524 ha đất lúa có nguy cơ hạn***

- Tích trữ nước hiện có trên ruộng đang sản xuất lúa vụ Xuân; hạn chế tối đa việc tiêu tháo nước khi thu hoạch lúa Xuân ở những diện tích này.

- Trên diện tích lúa nguy cơ hạn không sản xuất được vụ Hè Thu cần xây dựng kịch bản chuyển sang sản xuất vụ Mùa để khép kín diện tích lúa đề ra theo kế hoạch.

- Đối với vùng này nên sử dụng các giống cực ngắn ngày như vùng thấp trũng để giảm bớt áp lực thời gian trong sản xuất.

- Các địa phương xây dựng phương án chống hạn; huy động cả hệ thống chính trị, mọi lực lượng để chỉ đạo, điều tiết đủ nước phục vụ trước và trong quá trình sản xuất đối với những diện tích có nguy cơ hạn hán.

3.1.2. Các cây hoa màu ngắn ngày (ngô, lạc, vừng, đậu đỗ, rau các loại):
Sau khi thu hoạch vụ Xuân, cần chủ động tranh thủ đất đủ độ ẩm để làm đất gieo ngay. Sử dụng các giống sau:

- Cây ngô: Sử dụng các giống như: DK 6919s; DK6919; NK7328; CP511; NK4300 Bt/Gt; CP888; LVN14; MX10; HN88 hoặc các giống có tại phụ lục 04 kèm theo. Trên cây ngô có thể ưu tiên sử dụng các giống ngô chuyển gen để hạn chế sự gây hại của sâu keo mùa thu.

- Cây lạc: Sử dụng các giống như: Sen Nghệ An (75/23), L14, L26, L23, TB25, L20, TK10, ...

- Cây vừng: Sử dụng các giống: V6, vừng đen, vừng vàng địa phương,...

- Cây đậu đỗ các loại: Đậu xanh ĐX 135, DX 11, DX 03, ĐX 208, A801, đậu tằm hạt mốc, đậu đen,...

- Cây rau các loại: Có thể sử dụng các giống sau:

+ Bí xanh: Bí xanh số 1, bí xanh thiên thanh 5, Nova 209, An Điền 686,...

+ Bí đỏ: An Điền 019, Én Vàng,...

+ Dưa chuột: PC4, Hoa sen 636, Hoa sen 639,...

+ Dưa hấu: Super Hoàn Châu, Super Man, Phù Đồng, Trang Nông 1096, AD779, VT448,...

+ Mướp ngọt: Hương Việt, Thanh Hoa,...

+ Mướp đắng: F1 Palee, TV-208, ...

3.2. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa

- Các địa phương căn cứ quy định tại Luật Trồng trọt; Nghị định số 94/2019/NĐ-CP và kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa năm 2023 để tổ chức triển khai chuyển đổi hiệu quả nhất là vùng cuối kênh, bán sơn địa, vùng trồng lúa kém hiệu quả phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

- Xây dựng các cơ chế và các điều kiện để khuyến khích người dân chuyển đổi. Chuyển đổi phải gắn với bao tiêu sản phẩm để phát triển bền vững và tạo động lực cho nông dân chuyển đổi.

- Chuyển đổi cơ cấu cây trồng đồng thời chuyển đổi mùa vụ, hạn chế nông dân bỏ hoang đất. Khuyến khích chuyển đổi cả 2 vụ để thuận lợi cho việc lựa chọn cây trồng thích hợp.

+ Đối với những vùng bán sơn địa, cuối kênh thường xuyên thiếu nước đầu vụ có thể chuyển sang trồng ngô sinh khối hoặc các cây rau, màu khác có nhu cầu nước ít hơn như lạc, vừng, rau các loại, ...

+ Đối với vùng thấp lệt có thể chuyển sang trồng sen, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản,...

- Cần tuyên truyền và tập huấn để nâng cao nhận thức của nông dân trong việc chuyển đổi.

3.3. Về Phân bón

- Vụ Hè thu - Mùa có khoảng thời gian giữa 2 vụ ngắn, chất hữu cơ trên ruộng chưa phân hủy hết, do vậy để đảm bảo an toàn, hiệu quả cần ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học để phân hủy gốc rạ tránh ngộ độc hữu cơ; bón phân hợp lý, nặng đầu, nhẹ cuối.

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối; Tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học,... nhằm giảm thiểu gánh nặng về chi phí phân bón hóa học tăng, đồng thời giúp cây trồng dễ hấp thu, sinh trưởng, phát triển khỏe chống chịu tốt với điều kiện bất thuận đồng thời cải tạo tính chất đất.

- Để giảm thất thoát phân do nắng hạn, mưa lớn, cần căn cứ vào điều kiện thời tiết, nhu cầu dinh dưỡng từng thời điểm, từng chân đất và đối tượng cây trồng để bón phân hiệu quả.

3.4. Công tác Bảo vệ thực vật

Vụ Hè Thu - Mùa 2023 được nhận định là vụ mà các đối tượng dịch hại có diễn biến phức tạp, do đó để chủ động sớm, tổ chức chỉ đạo phòng trừ hiệu quả sâu bệnh hại, bảo vệ sản xuất, các địa phương và các đơn vị chuyên môn thuộc Sở phải tập trung thực hiện tốt những nội dung sau:

- Thực hiện tốt công tác điều tra phát hiện, dự tính dự báo dịch hại theo quy chuẩn quốc gia QCVN 01-38.

- Xây dựng phương án phòng chống sâu bệnh hại chính trên các cây trồng Trong đó, cần đặc biệt lưu ý các đối tượng dịch hại như: Sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy

lung trắng, bệnh lùn sọc đen, chuột hại trên cây lúa; sâu keo mùa thu trên cây ngô;... để các địa phương làm căn cứ theo dõi và chỉ đạo thực hiện.

- Hướng dẫn nông dân áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trong phòng trừ dịch hại để đảm bảo hiệu quả kinh tế, bảo vệ môi trường sinh thái, sức khỏe cộng đồng.

- Ưu tiên sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ và chỉ được sử dụng các loại thuốc BVTV có trong danh mục thuốc được phép sử dụng, sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng.

- Đẩy mạnh thực hiện và mở rộng ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong công tác khuyến nông bảo vệ thực vật như: Quy trình thâm canh lúa cải tiến (SRI); chương trình ba giảm ba tăng (ICM); chương trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM,...

3.5. Công tác thủy lợi

- Phải bảo đảm tưới đủ cho toàn bộ diện tích gieo cấy theo kế hoạch đề ra và chống hạn cho cây công nghiệp, cây ăn quả,... trong đó ưu tiên nước phục vụ tưới cho gieo cấy lúa vụ Hè Thu (khoảng 58.000 ha).

- Có phương án chủ động ứng phó với hạn hán xảy ra trong thời gian tới (nhất là vùng cuối kênh, vùng bán sơn địa). Phối hợp với các địa phương, đơn vị lập kế hoạch tưới nước từ các công trình thủy lợi cho các cây trồng theo tình hình nguồn nước hiện có để cơ cấu cây trồng hợp lý, đồng thời bố trí lực lượng thường trực tại các công trình thủy lợi để vận hành công trình đáp ứng yêu cầu nước tưới phục vụ sản xuất và đảm bảo tiêu úng kịp thời khi có mưa bão xảy ra.

- Thực hiện quy trình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ngay từ đầu vụ (nông hộ phoi, SRI).

- Có kế hoạch phân phối nước hợp lý, triệt để tiết kiệm nước. Lập lịch tưới, mức tưới của từng đợt, cho từng xứ đồng theo thời kỳ sinh trưởng của cây trồng.

- Thực hiện tưới luân phiên giữa các vùng trong hệ thống và tưới luân phiên giữa các công trình trong vùng khi hạn hán xảy ra.

- Đối với các công trình đang thi công, các địa phương phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng lịch tưới và cắt nước cụ thể để công tác tưới tiêu, thi công công trình đạt hiệu quả cao nhất.

- Đối với các loại cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm: Chuẩn bị các điều kiện để chống hạn khi nắng hạn kéo dài gây ra như: Tủ gốc để giữ ẩm, khoan giếng ở những nơi có mạch nước ngầm, đắp các hồ chứa, bể chứa nhỏ, phát triển mạng lưới bơm nhỏ để tưới. Riêng đối với cây Chè ngoài thực hiện các biện pháp chống hạn nêu trên thì nên bố trí trồng các loại cây che bóng phù hợp trên vườn chè và không hái chè bằng máy vào thời gian nắng hạn, dừng hái khi có nắng hạn kéo dài.

- Tu sửa bờ vùng, bờ thửa, nạo vét thông thoáng kênh mương, các kênh dẫn tạo nguồn, bể hút các trạm bơm. Tu sửa hồ đập, kênh mương, sơn sậy động cơ máy bơm, các cống đầu mối tưới, tiêu, đảm bảo 100% công trình sẵn sàng vận hành phục vụ sản xuất.

- Tuyệt đối phải tuân thủ quy trình: Trước, trong khi bơm phải kiểm tra nguồn nước, nếu độ mặn đến ngưỡng không cho phép theo quy định thì phải ngừng bơm ngay để không làm ảnh hưởng cây lúa.

3.6. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

- Các địa phương tổ chức quản lý tốt vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) trên địa bàn mình đúng theo các quy định của nhà nước.

3.7. Về ứng dụng các tiến bộ KHCN, nhân rộng các mô hình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất rau, củ, quả, chè,... an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các chính sách cũng như thu hút các tổ chức, cá nhân vào để mở rộng những diện tích này.

- Duy trì, phát triển các diện tích rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng,....

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân hiểu và thực hiện.

3.8. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Các địa phương căn cứ vào các chính sách hiện hành cũng như trích ngân sách của địa phương để hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu mới trong tổ chức thực hiện, tìm kiếm để làm cầu nối liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Duy trì các mô hình liên kết đã có; xây dựng các mô hình liên kết mới; Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình liên kết sản xuất có hiệu quả để duy trì và nhân rộng.

- Các địa phương căn cứ vào kế hoạch sản xuất của mình để giới thiệu sản phẩm, tích cực trong việc kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân vào liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức kinh doanh, bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm của địa phương nhằm thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên Hệ thống đài truyền thanh cơ sở để nhân dân biết, nắm bắt được cơ chế, chính sách hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.

3.9. Cơ chế chính sách

Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh cho người dân gồm:

- Chính sách hỗ trợ quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ và Nghị định 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 35/2015/NĐ-CP.

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, ... trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021. Trong đó, có một số chính sách có thể thực hiện trong vụ Hè thu, mùa như:

+ Hỗ trợ giống lúa thuần mới, năng suất cao, chất lượng tốt: Hỗ trợ 50% giá giống đối với các xã miền núi khu vực I, khu vực II và hỗ trợ 80% giá giống đối với các xã miền núi khu vực III.

+ Hỗ trợ xây dựng nhà lưới (nhà màng): Hỗ trợ xây dựng nhà lưới (nhà màng) để sản xuất rau, củ, quả: 50.000 đồng/m² nhưng không quá 200 triệu đồng/nhà lưới (nhà màng).

+ Hỗ trợ 40% giá trị công trình tưới nhỏ lẻ cho cây công nghiệp (chè, mía), cây ăn quả (cam, quýt, bưởi, chanh, dứa, chuối) và cỏ trồng tập trung làm thức ăn chăn nuôi nhưng không quá 40 triệu đồng/công trình hệ thống tưới tiết kiệm và không quá 80 triệu đồng/công trình đối với hệ thống cấp nước tưới tự động bằng năng lượng mặt trời.

+ Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, bảo vệ vườn cây đầu dòng cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm: 01 triệu đồng/cây/năm.

+ Hỗ trợ 20% giá trị máy cấy, máy gieo hạt và thiết bị kèm theo nhưng không quá 150 triệu đồng/máy và thiết bị kèm theo.

+ Hỗ trợ 20% giá trị mua máy phun thuốc trừ sâu không người lái nhưng không quá 100 triệu đồng/máy.

+ Hỗ trợ 80% kinh phí chứng nhận đối với các mô hình sản phẩm nông sản đạt các tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ lần đầu nhưng không quá 100 triệu/mô hình.

+ Hỗ trợ 100% kinh phí xây dựng website thương mại điện tử nhưng không quá 30 triệu đồng/website/doanh nghiệp, HTX, làng nghề, cá nhân, hộ gia đình.

+ Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng gian hàng online trên sàn giao dịch điện tử, nhưng không quá 50 triệu đồng/gian hàng/doanh nghiệp, HTX, làng nghề, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình.

+ Hỗ trợ tiền thuê quyền sử dụng đất trong thời gian 05 năm đầu tiên 15 triệu đồng/ha/năm nhưng không quá 150 triệu đồng/hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân/năm.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế biến, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Chính sách về liên kết trong sản xuất và tiêu thụ theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính Phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Chính sách về Bảo hiểm Nông nghiệp tại Quyết định số 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài chính sách của tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách của địa phương, hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2023. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn của Sở và các đơn vị ngành hàng liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

4.1.1. Phòng Quản lý Kỹ thuật và KHCN

- Chủ trì phối hợp với Chi cục Trồng trọt và BVTV tham mưu cho Lãnh đạo Sở trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, những khó khăn, vướng mắc thực hiện Đề án sản xuất vụ vụ Hè Thu - Mùa năm 2023.

- Tham mưu chỉ đạo đẩy mạnh việc ứng dụng và mở rộng thực hiện các tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả như: VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao,... trong sản xuất.

- Tham mưu chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông trong xây dựng kế hoạch và các nội dung tập huấn, tuyên truyền để hướng dẫn, phổ biến Đề án đến tận người dân. Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao làm cơ sở khoa học và thực tiễn để mở rộng sản xuất ở các năm sau.

- Phối hợp với Chi cục Thủy lợi tham mưu công tác tưới tiêu, phòng chống hạn hán, bão lụt,...

- Đầu mối khâu nối, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An,... và các địa phương xây dựng các chương trình tuyên truyền hướng dẫn, khuyến cáo nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại do cơ quan chuyên môn đề ra.

4.1.2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ Thực vật

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền; kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Phối hợp với các ban ngành để đẩy mạnh việc ứng dụng và mở rộng thực hiện các tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả như: VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao,...

- Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình hạn hán, mưa bão, dông lốc và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Tham mưu cho Sở Nông nghiệp và PTNT để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả với những tình huống thời tiết bất thuận để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng; chủ động xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra hạn hán, mưa bão, dịch bệnh cây trồng,....

- Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phục vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2023 trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại cây trồng nếu xảy ra hạn hán, mưa bão, dịch bệnh cây trồng.

- Xây dựng phương án phòng trừ sâu bệnh bảo vệ sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2023 để các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện, trong đó lưu ý công tác phòng trừ bệnh lùn sọc đen, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,...hại lúa và sâu keo mùa thu trên cây ngô.

- Thường xuyên kiểm tra, dự tính, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và thông qua các phương tiện

thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng để phổ biến, tuyên truyền hướng dẫn nông dân tổ chức sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại kịp thời, hiệu quả; Đặc biệt là tuyên truyền để nông dân hiểu về thời vụ gieo trồng, kỹ thuật chăm sóc, né tránh thiên tai và phòng trừ sâu bệnh kịp thời, hiệu quả.

4.1.3. Chỉ cục Thủy lợi

- Xây dựng phương án tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2023. Trên cơ sở đó tham mưu trình UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, đơn vị cân đối nguồn nước để phục vụ sản xuất.

- Chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan để xây dựng phương án chống hạn ngay từ đầu vụ (nhất là những diện tích có nguy cơ hạn hán, vùng bán sơn địa, cuối kênh). Trong đó, lưu ý vùng bơm điện phải có lịch tưới cụ thể để có căn cứ thống nhất với ngành điện về bố trí điện phục vụ chống hạn. Ngoài chống hạn cần xây dựng phương án tiêu thoát nước khi có mưa to, ngập úng vào cuối vụ nhằm giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại do mưa bão.

- Chỉ đạo các Công ty, Xí nghiệp cung cấp đủ nước và kịp thời cho sản xuất, kiên quyết không để tình trạng thiếu nước xảy ra trên diện tích gieo cấy lúa theo kế hoạch. Phối hợp với các Ban quản lý công trình thủy điện (nhất là Ban quản lý công trình thủy điện Bản Vẽ, Khe Bó, Chi Khê) để có kế hoạch xả nước hợp lý, đảm bảo sản xuất.

- Tiến hành rà soát lại nguồn nước ở các hồ đập, sông suối trên địa bàn tỉnh kể cả các hồ đập nhỏ, trên cơ sở đó phối hợp với các địa phương đề xuất phương án bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý cho từng vùng.

- Chỉ đạo vận hành đúng quy trình các cửa âu thuyền ở các công ngăn mặn để tiết kiệm nước và giữ ngọt ở các công Bến Thủy, Nghi Quang, Diễn Thành. Rà soát kiểm tra số lượng bơm điện, bơm dầu đã chiến nếu hư hỏng phải đầu tư tu sửa để sẵn sàng đối phó khi xảy ra hạn hán kéo dài.

- Tham mưu, giải quyết các vướng mắc trong việc thi công các công trình thủy lợi, đồng thời bố trí lịch cắt và cấp nước cụ thể, hợp lý để đảm bảo cấp và tiêu thoát nước kịp thời cho sản xuất.

4.1.4. Chỉ cục Phát triển nông thôn

- Tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu mới.

- Xây dựng kế hoạch để hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong vụ Hè thu -Mùa.

- Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ tìm kiếm, xây dựng các mô hình liên kết sản xuất; xúc tiến thương mại để tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trong tỉnh.

4.1.5. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

- Tập trung quản lý, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm và kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả,...

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp huyện và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

4.1.6. Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Hè thu-Mùa 2023, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh các cây trồng vụ Hè thu-Mùa đến tận người sản xuất.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình có hiệu quả kinh tế cao, mô hình liên kết tiêu thụ sản phẩm, ... và các tiến bộ kỹ thuật mới khác.

4.1.7. Trung tâm Giống cây trồng

- Triển khai các hoạt động nghiên cứu, chọn tạo và phục tráng giống cây trồng.

- Tổ chức triển khai, bố trí địa điểm để theo dõi, đánh giá về tiềm năng năng suất, thời gian sinh trưởng của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT qua (Phòng quản lý kỹ thuật và KHCVN).

4.1.8. Các đơn vị khác thuộc Sở: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2023.

4.2. UBND các huyện, thành, thị

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh sản xuất,... của địa phương để xây dựng Đề án sản xuất vụ Hè Thu - Mùa năm 2023 cụ thể, sát với thực tế của địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án phải thể hiện sự phấn đấu cao, các chỉ tiêu phải vượt trội, phù hợp với tình hình thực tế và các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải tích cực, quyết liệt để đảm bảo giành thắng lợi.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, phân vùng để chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Xây dựng cơ cấu giống, thời vụ cho Hè Thu, vụ Mùa 2023 để chỉ đạo nông dân thực hiện nghiêm, nhất là đối với thời vụ gieo cấy lúa vùng sâu trũng, thường xuyên ngập lụt và ưu tiên sử dụng các giống lúa chất lượng; đồng thời tăng cường diện tích lúa, rau theo hướng an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ.

- Các địa phương, đơn vị lập phương án chống hạn và tổ chức thực hiện, cân đối lại tình hình nguồn nước để xây dựng kế hoạch tưới vụ Hè Thu – Mùa phù hợp, không gieo trồng đối với những diện tích không đảm bảo tưới suốt vụ. Xây dựng phương án chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, nhất là vùng cao cồng, vùng cuối kênh không có nước tưới suốt cả vụ hoặc vùng sản xuất lúa kém hiệu quả chuyển sang trồng các cây trồng khác có hiệu quả hơn để hạn chế mức thấp nhất diện tích đất bỏ hoang (không sản xuất).

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp hạn chế thiệt hại do hạn hán, mưa bão gây ra; thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu sở Nông nghiệp và PTNT phương án xử lý kịp thời.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra để quản lý chất lượng giống cây trồng, phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng vật tư nông nghiệp không đảm bảo chất lượng để bảo vệ tốt quyền lợi cho người nông dân.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất vụ Hè thu - Mùa cấp huyện; Phân công lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban phụ trách chỉ đạo và chịu trách nhiệm cụ thể từng xã, cụm xã, phường, thị trấn. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tăng cường giám sát đồng ruộng, thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra phát hiện, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, trong đó chú ý các đối tượng như: bệnh lùn sọc đen, sâu cuốn lá nhỏ, chuột,...trên cây lúa, sâu keo mùa thu hại ngô, ...

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành các cơ chế hỗ trợ nông dân về: Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, KHCN cao vào sản xuất, phòng trừ sâu bệnh hại,... ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

c) Đầu mối mời gọi các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Hè thu - Mùa để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

d) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

e) Dự báo nhu cầu thị trường để có phương án sản xuất rải vụ thích hợp, phát triển mở rộng diện tích nhất là các loại rau, củ, quả đảm bảo an toàn theo các tiêu chuẩn, gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định đầu ra cho nông dân.

f) Phối hợp với các Chi cục thống kê để thống kê, thống nhất số liệu định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật vào sáng thứ 4 hàng tuần để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các địa phương.

4.3. Các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội

Căn cứ nhiệm chức năng nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Hè thu - Mùa 2023.

4.4. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, Hợp tác xã

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, Thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp, HTX bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như HTX để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

V. KIẾN NGHỊ

Vụ Hè Thu - Mùa năm 2023 là vụ sản xuất đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như hạn hán, bão lụt, các loại sâu bệnh có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: sâu cuốn lá nhỏ, bệnh lùn sọc đen, sâu keo mùa thu, chuột,..., giá cả vật tư vẫn ở mức cao; Do đó, để đảm bảo giành được thắng lợi; Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2023, để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo hoàn thành thắng lợi sản xuất Hè thu - Mùa năm 2023.

2. Chỉ đạo các ngành, các cấp và UBND các huyện, thành, thị tăng cường công tác chỉ đạo, đôn đốc và có các cơ chế chính sách hỗ trợ để khuyến khích nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật đã được quy định tại Đề án để đảm bảo vụ Hè Thu - Mùa 2023 đạt kết quả thắng lợi; Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo sản xuất để thường xuyên theo dõi, phát hiện và xử lý, bổ cứu kịp thời những khó khăn, vướng mắc nảy sinh giúp các địa phương, cơ sở tháo gỡ khi triển khai chỉ đạo thực hiện Đề án; Xây dựng phương án chống hạn, xâm nhập mặn, lụt bão vụ Hè thu - Mùa cụ thể, chi tiết cho từng vùng để đảm bảo công tác cấp và tiêu nước phục vụ sản xuất khi có hạn hán, lụt bão xảy ra.

3. Sở Công thương

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các Công ty Thủy điện trên địa bàn tỉnh điều tiết xả nước với lưu lượng phù hợp để đảm bảo cấp đủ nước tưới phục vụ sản xuất, dân sinh cho vùng hạ du khi thiếu nước.

- Chỉ đạo điện lực Nghệ An căn cứ vào lịch thời vụ sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2023 để ưu tiên cấp điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, nhất là những địa phương, các vùng không chủ động được nước, thời điểm cần điện để bơm nước chuẩn bị ruộng để gieo cấy lúa, chống hạn.

- Hỗ trợ kết nối tiêu thụ và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng: Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật, biện pháp bảo vệ sản xuất trong vụ Hè thu - Mùa năm 2023. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất trồng trọt vụ Hè Thu - Mùa 2023, Sở Nông nghiệp và PTNT mong nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp & PTNT, Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp và tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh để sản xuất vụ Hè thu - Mùa năm 2023 đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch đề ra ./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Đệ PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp Tỉnh (để phối hợp);
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị của Sở NN&PTNT (để thực hiện);
- Webside Sở;
- Lưu VT, QLKT&KHCV, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC

Phùng Thành Vinh

Phu lục 01:**Kết quả sản xuất vụ Hè Thu – Mùa năm 2022**

TT	Chỉ tiêu	Hè Thu – Mùa 2021	Hè thu - Mùa 2022	So sánh 2022/2021		Kết quả vụ Hè Thu - Mùa 2022 so với kế hoạch	
				Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
				Giảm (-)		Giảm (-)	
1	Cây lúa: - Diện tích gieo trồng	87.728,14	81.595,79	-6.132,35	93,01	-6.404,21	92,72
	- Diện tích thu hoạch	86.634,23	80.940,14	-5.694,09	93,43	-7.059,86	91,98
	- Năng suất thu hoạch	47,7	47,93	0,23	100,49	0,92	101,97
	- Sản lượng	413.247,00	387.976,76	-25.270,24	93,88	-25.723,24	93,78
1.1	Vụ Hè Thu - Diện tích gieo trồng	61.843,35	60.166,03	-1.677,32	97,29	-833,97	98,63
	- Diện tích thu hoạch	61.826,85	60.081,50	-1.745,35	97,18	-918,50	98,49
	- Năng suất thu hoạch	51,43	51,59	0,16	100,31	0,59	101,16
	- Sản lượng	317.952,06	309.937,06	-8.015,00	97,48	-1.162,94	99,63
1.2	Vụ Mùa: - Diện tích gieo trồng	25.884,79	21.429,76	-4.455,03	82,79	-5.570,24	79,37
	- Diện tích thu hoạch	24.807,38	20.858,64	-3.948,74	84,08	-6.141,36	77,25
	- Năng suất thu hoạch	38,41	37,41	-1,00	97,40	-0,59	98,45
	- Sản lượng	95.294,94	78.039,70	-17.255,24	81,89	-24.560,30	76,06
2	Cây ngô: Tổng diện tích gieo trồng		13.288,18			-211,82	98,43
2.1	Ngô lấy hạt						
	- Diện tích gieo trồng	11.462,58	11.284,14	-178,44	98,44	284,14	102,58
	- Diện tích thu hoạch	11.191,94	10.806,21	-385,73	96,55	-193,79	98,24
	- Năng suất thu hoạch	37,97	38,33	0,36	100,95	0,33	100,87
	- Sản lượng	42.495,77	41.421,24	-1.074,53	97,47	-378,76	99,09
2.2	Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò						
	- Diện tích gieo trồng		2.004,04			-495,96	80,16
	- Diện tích thu hoạch		1.984,64			-515,36	79,39
	- Năng suất thu hoạch		355,06			5,06	101,45
	- Sản lượng		70.466,11			-17.033,89	80,53
3	Rau các loại: -Diện tích gieo trồng	12.159,95	12.199,44	39,49	100,32	1.699,44	116,19
	- Diện tích thu hoạch	12.109,65	11.348,08	-761,57	93,71	848,08	108,08
	- Năng suất thu hoạch	150,16	152,38	2,22	101,48	0,38	100,25
	- Sản lượng	181.844,33	172.919,78	-8.924,55	95,09	13.319,78	108,35
4	Đậu đỗ các loại: - Diện tích gieo trồng	2.786,45	2.227,59	-558,86	79,94	-572,41	79,56
	- Diện tích thu hoạch	2.786,45	2.211,12	-575,33	79,35	-588,88	78,97
	- Năng suất thu hoạch	8,26	8,80	0,54	106,54	0,30	103,53
	- Sản lượng	2.301,84	1.946,58	-355,26	84,57	-433,42	81,79
5	Cây lạc: - Diện tích gieo trồng	729,2	685,72	-43,48	94,04	-64,28	91,43
	- Diện tích thu hoạch	729,2	667,72	-61,48	91,57	-82,28	89,03
	- Năng suất thu hoạch	22,52	22,76	0,24	101,07	1,26	105,86
	- Sản lượng	1.641,82	1.519,70	-122,12	92,56	-93,30	94,22
6	Cây vừng: - Diện tích gieo trồng	3.045,29	2.833,97	-211,32	93,06	-166,03	94,47
	- Diện tích thu hoạch	3.045,29	2.833,97	-211,32	93,06	-166,03	94,47
	- Năng suất thu hoạch	7,09	7,38	0,29	104,09	0,38	105,43
	- Sản lượng	2.159,52	2.092,53	-66,99	96,90	-7,47	99,64

KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ HÈ THU- MÙA 2023 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ

STT	Toàn tỉnh	Cây lúa (ha)				Cây ngô (ha)			Cây lạc (ha)	Cây vừng (ha)	Cây rau các loại (ha)	Cây đậu đỗ (ha)	
		Tổng DT	Trong đó			Tổng DT	Trong đó						
			Cơ cấu mùa vụ		Cơ cấu giống		Ngô lấy hạt	Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò					
			Lúa hè thu	Lúa Mùa									Lúa Lai
		81.500,0	58.000,0	23.500,0	9.000,0	72.500,0	12.200,0	10.200,0	2.000,0	750,0	2.800,0	11.800,0	2.600,0
1	Diễn Châu	6.800,0	6.800,0	0,0	500,0	6.300,0	450,0	450,0	0,0	0,0	1.750,0	1.000,0	110,0
2	Yên Thành	11.000,0	11.000,0	0,0	0,0	11.000,0	700,0	700,0	0,0	50,0	50,0	1.200,0	100,0
3	Quỳnh Lưu	4.100,0	4.100,0	0,0	0,0	4.100,0	815,0	780,0	35,0	35,0	140,0	2.100,0	50,0
4	TX Hoàng Mai	800,0	200,0	600,0	160,0	640,0	225,0	200,0	25,0	35,0	3,0	650,0	0,0
5	Nghi Lộc	6.525,0	5.400,0	1.125,0	900,0	5.625,0	310,0	310,0	0,0	0,0	180,0	390,0	40,0
6	Nam Đàn	5.750,0	5.750,0	0,0	0,0	5.750,0	170,0	135,0	35,0	45,0	200,0	1.150,0	997,0
7	H/Nguyên	3.800,0	3.800,0	0,0	0,0	3.800,0	50,0	30,0	20,0	0,0	80,0	450,0	100,0
8	Đô Lương	8.130,0	8.130,0	0,0	230,0	7.900,0	730,0	695,0	35,0	140,0	22,0	450,0	100,0
9	TP Vinh	810,0	610,0	200,0	0,0	810,0	80,0	75,0	5,0	10,0	80,0	95,0	0,0
10	Cửa Lò	130,0	0,0	130,0	0,0	130,0	70,0	70,0	0,0	0,0	0,0	50,0	20,0
11	Th/Chương	5.000,0	5.000,0	0,0	200,0	4.800,0	500,0	500,0	0,0	80,0	20,0	350,0	500,0
12	Tân Kỳ	4.480,0	1.500,0	2.980,0	1.700,0	2.780,0	1.700,0	900,0	800,0	60,0	150,0	150,0	150,0
13	Nghĩa Đàn	3.400,0	400,0	3.000,0	2.700,0	700,0	1.000,0	775,0	225,0	70,0	80,0	1.800,0	350,0
14	TX Thái Hoà	800,0	0,0	800,0	300,0	500,0	200,0	130,0	70,0	5,0	0,0	150,0	0,0
15	Quỳ Hợp	2.600,0	1.850,0	750,0	750,0	1.850,0	650,0	605,0	45,0	80,0	0,0	550,0	0,0
16	Quỳ Châu	1.850,0	460,0	1.390,0	380,0	1.470,0	230,0	215,0	15,0	30,0	0,0	260,0	0,0
17	Quế Phong	2.600,0	0,0	2.600,0	800,0	1.800,0	150,0	150,0	0,0	50,0	0,0	100,0	20,0
18	Anh Sơn	2.700,0	2.400,0	300,0	180,0	2.520,0	1.200,0	550,0	650,0	20,0	30,0	310,0	60,0
19	Con Cuông	2.280,0	500,0	1.780,0	200,0	2.080,0	450,0	415,0	35,0	10,0	15,0	215,0	0,0
20	T/Dương	1.695,0	100,0	1.595,0	0,0	1.695,0	1.200,0	1.195,0	5,0	30,0	0,0	380,0	3,0
21	Kỳ Sơn	6.250,0	0,0	6.250,0	0,0	6.250,0	1.320,0	1.320,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0

Phụ lục 03: Danh sách các giống lúa đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đưa vào sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa năm 2023 tại Nghệ An

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	LÚA THUẦN			
I	Giống chủ lực			
1.1	Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày			
1	Khang dân đột biến	95-100	50-55	
2	TBR279	95-100	50-55	
1.2	Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 – 110 ngày			
1	VNR 20	100-105	55-58	
2	LTH31 (SL 9)	100-105	55-58	
3	Khang dân 18	100-105	50-55	
4	Bắc Thịnh	100-105	50-55	
5	Thiên ưu 8	103-108	55-60	
6	TBR225	105-108	55-60	
7	Vật tư NA6	104-108	55-60	
8	HD11	100-105	50-55	
1.3	Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày			
1	Nếp 97	110-115	50-55	Lúa nếp
2	BC15	110-115	55-60	
3	Nếp 87	110-115	50-55	Lúa nếp
II	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
2.1	Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày			
1	PC6	95 -100	50-55	
2	HN6	95 -100	50-55	
3	DT82	95-100	50-55	
4	SV181	90 - 95	50-55	
2.2	Giống có thời gian sinh trưởng từ 100 - 110 ngày			
1	Hà Phát 3	105-110	55-60	
2	QP5	100-105	50-55	
3	ADI 168	100-105	50-55	
4	Hương thuần 8	100-105	55-60	
5	CNC 11	100-105	50-55	
6	TH8	100-105	50-55	
7	ADI 28	100-105	50-55	

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
8	ĐH12	100-105	50-55	
9	Lam Sơn 8	100-105	55-58	
10	Hương cốm 4	100-105	55-60	
11	BQ	100-105	50-55	
12	Thảo dược Vĩnh Hòa 1	100-105	50-55	
13	Thanh Hương	100-105	50-55	
14	DT 80	100-105	55-60	
15	HANA số 7	100-105	50-55	
16	HANA 167	100-105	50-55	
17	HANA số 6	100-105	50-55	
18	VNR 10	100-105	50-55	
19	HDT10	100-105	50-55	
20	QR1	100-105	50-55	
21	Hương Thanh 8	100-105	50-55	
22	ND 502	100-105	50-55	
23	DT 66	105-110	55-60	
24	DT 37	100-105	50-55	
25	Vật tư NA2	102-107	55-58	
26	Bắc hương 9	105-110	50-55	
27	Bắc thơm 7	105-110	45-50	
28	TBR89	105-110	55-60	
29	Đông A1	105-110	55-60	
30	DQ11	105-110	55-60	
31	Dự hương 8	105-110	55-60	
32	Hương Bình	100-105	50-55	
33	Nếp Hương	100-105	50-55	Lúa nếp
34	LP5	105-110	50-55	
35	Q5	105-110	50-55	
36	Nếp ĐT52	105-110	50-55	Lúa nếp
37	Nếp 98	105-110	50-52	Lúa nếp
38	TBR1	105-110	55-60	
39	Nếp A Sào	105-110	50-52	
2.3 Giống có thời gian sinh trưởng trên 110 ngày				
1	AC5	110-115	50-55	

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
2	DT52	110-115	50-55	Lúa nếp
3	JO2	110-115	50-55	
4	JO1	110-115	50-55	
B	LÚA LAI			
I	Giống chủ lực			
1.1	Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày			
1	Việt Lai 20	95-100	50-55	
1.2	Giống có thời gian sinh trưởng từ 100-110 ngày			
1	Thái xuyên 111	107-110	60-65	
2	LP1601	105-110	55-60	
3	Phú ưu 978	100-105	55-60	
4	Lai thơm 6	100-105	50-55	
II	Ngoài ra có thể sử dụng các giống sau			
2.1	Giống có thời gian sinh trưởng dưới 100 ngày			
1	TH3-5	95-100	50-55	
2	LC 270	95-100	50-55	
2.2	Giống có thời gian sinh trưởng từ 100-110 ngày			
1	MHC2	105-110	60-65	
2	Nhị ưu 986	107-110	58-60	
3	27P53	105-110	55-60	
6	QL 301	100-105	55-60	
4	GS55	105-110	55-60	
5	Nghi Hương 305	105-110	55-60	
7	Phúc Thái 168	105-110	55-60	
8	Syn 98	105-110	55-60	
9	Long Hương 8117	105-110	55-60	
10	Quốc tế 1	105-110	60-65	
11	VT 404	103-108	55-60	
12	Nhị ưu 89	103-108	55-60	
13	TH3-4	100-105	50-55	

Ghi chú: Các giống được sắp xếp theo thời gian sinh trưởng từ dài ngày đến ngắn ngày

Phụ lục 04: Danh sách các giống ngô đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đưa vào sản xuất trong vụ Hè Thu – Mùa năm 2023 tại Nghệ An

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	GIỐNG CHỦ LỰC			
1	DK6919 S	100-103	52-57	Ngô biến đổi gen
2	DK6919	100-103	50-55	
3	NK7328	100-105	50-55	Có sinh khối lớn
4	CP511	105-110	50-55	
5	NK4300 Bt/Gt	105-110	50-55	Ngô biến đổi gen
6	CP888	113-115	50-55	
7	LVN14	95-100	50-55	Có sinh khối lớn
8	MX10	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
9	HN68	62-65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
B	NGOÀI RA CÓ THỂ SỬ DỤNG CÁC GIỐNG SAU			
I	Ngô lấy hạt			
1	CP3Q	110-115	55-60	
2	P4311	110-115	55-60	
3	NK 6410	105-110	50-55	
4	NK 6253	105-110	50-55	
5	CP 501	105-110	55-60	
6	CP 512	105-110	55-60	
7	PAC999 Super	105-110	50-55	
8	PAC 339	105-110	50-55	
9	PAC 789	105-110	50-55	
10	VN5885	105-110	50-55	
11	NK4300	105-110	50-55	
12	DK6818	100-105	50-55	
13	LVN092	95-105	50-55	
14	SSC2095	95-100	50-55	
15	SSC 131	95-100	50-55	
16	LVN61	95-100	50-55	
17	VS36	95-100	50-55	

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Hè Thu – Mùa (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
18	CP333	90-95	50-55	
19	HN45	90-95	50-55	
II	Ngô chuyển gen			
1	NK66 Bt/Gt	100-105	50-55	Ngô biến đổi gen
2	DK9955 S	100-105	50-55	Ngô biến đổi gen
III	Ngô sinh khối			
1	AVA 3668	100-105	50-55	Có sinh khối lớn
2	P4199	105-110	50-55	Có sinh khối lớn
3	CP111	105-110	55-60	Có sinh khối lớn
4	PSC 102	100-105	52-57	Có sinh khối lớn
5	PSC 747	100-105	52-57	Có sinh khối lớn
IV	Ngô thu hoạch ăn tươi			
1	MX6	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
2	Max 68	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
3	ADI668	80-85	45-50	Thu hoạch ăn tươi
4	HN88	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
5	TBM 18	65-70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
6	Ngô nếp Bạch Long	65-67	45-50	Thu hoạch ăn tươi
7	Fancy111 (nếp tím)	70-75	50-55	Thu hoạch ăn tươi

Ghi chú: Các giống được sắp xếp theo thời gian sinh trưởng từ dài ngày đến ngắn ngày